

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS - ST
Ngày: 13 - 10 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Bà Hoàng Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Trung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2025/TLST –DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45 ngày 26 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T.

Địa chỉ: tòa nhà TPBank, số 57 Lý Thường Kiệt, phường C, quận H (nay là phường C), thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh Ph - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Vũ L - Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ KHCN..

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1. Ông Đỗ Đình H - Chức vụ: Cộng tác viên xử lý nợ KHCN - Đội xử lý nợ 1 - Trung tâm Xử lý nợ Khách hàng các nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ Khách hàng cá nhân - TPBank.

2. Ông Nguyễn Quang Đ - Chức vụ: Cộng tác viên xử lý nợ KHCN - Đội xử lý nợ 1 - Trung tâm Xử lý nợ Khách hàng các nhân – Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ Khách hàng cá nhân - TPBank.

3. Ông Phạm Cao S - Chức vụ: Cộng tác viên xử lý nợ KHCN - Đội xử lý nợ 1 - Trung tâm Xử lý nợ Khách hàng các nhân - Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ Khách hàng cá nhân - TPBank.

4. Ông Nguyễn Phúc H - Chức vụ: Cộng tác viên xử lý nợ KHCN - Đội xử lý nợ 1 - Trung tâm Xử lý nợ Khách hàng các nhân - Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ Khách hàng cá nhân - TPBank.

5. Ông Vũ Đức H - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ KHCN - Đội xử lý nợ 1 - Trung tâm Xử lý nợ Khách hàng các nhân - Khối giám sát tín dụng và Xử lý nợ Khách hàng cá nhân - TPBank.

- Bị đơn:

1. Anh Hoàng Minh T, sinh năm 1987.

Trú tại: thôn H, xã N, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Ninh Bình.

2. Chị Bùi Thị Mây, sinh năm 1991.

Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là xã B, tỉnh Hưng Yên)

Tại phiên tòa: Đại diện Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T ông H có mặt; Bị đơn: anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M đã ký các hợp đồng cho vay với ngân hàng TMCP T (gọi tắt là Ngân hàng) cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HĐTD/TTB ngày 25/3/2022 cụ thể như sau: số tiền vay: 899.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay bù đắp vốn tự có tiền mua ô tô mục đích đi lại của khách hàng; Thời hạn vay vốn: 96 tháng từ ngày 31/3/2022 đến ngày 30/3/2030; Ngày giải ngân: 30/3/2022; Lãi suất cho vay: lãi suất linh hoạt như sau: Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 30/3/2023 là 8,9%; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 30/3/2030; Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân kỳ hạn 03 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,5%.

- Hợp đồng cho vay số 164/2022/HĐTD/TTB MB3 ngày 25/03/2022 với số tiền vay là 20.000.000 đồng; Mục đích vay: thanh toán phí bảo hiểm nhân thọ; Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày 31/3/2022 đến ngày 30/3/2030; Ngày giải ngân: 30/3/2022; Lãi suất cho vay: lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ cho đến ngày 30/3/2030; Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở KHCN kỳ hạn 03 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm.

*** Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay**

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, bên vay có tài sản đã thế chấp tài sản theo các hợp đồng bảo đảm tiền vay được ký kết với Ngân hàng như sau:

+ Tài sản bảo đảm của chính bên vay:

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HĐTD/TTB MB3 ngày 25/3/2022, trong đó tài sản thế chấp là 01 xe ô tô mang nhãn hiệu KIA SORENTO; Màu đỏ; Số khung RNYRA51A6MC220493; Số máy G4KMMH006693; BKS: 35A - 279.32. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 35010417 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 21/3/2022 cho anh Hoàng Minh T.

Tài sản thế chấp trên có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật. Việc thế chấp đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hoàn tất các thủ tục theo qui định của Pháp luật và của Ngân hàng.

*** Quá trình thực hiện hợp đồng:**

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HĐTD/TTB MB3 ngày 25/3/2022 anh T và chị M vay số tiền 899.000.000 đồng, anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 40.645.242 đồng (Trong đó nợ gốc là 28.093.749 đồng, nợ lãi là: 12.551.493 đồng).

- Hợp đồng cho vay số 164/2022/HĐTD/TTB MB3 ngày 25/03/2022 với số tiền vay là 20.000.000 đồng anh T và chị M đã thanh toán cho Ngân hàng 1.227.399 đồng trong đó nợ gốc là 624.999 đồng, nợ lãi là 602.400 đồng).

Tính đến hết ngày 23/6/2025 anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M còn nợ tổng số tiền của các hợp đồng **1.273.465.101 đồng**, trong đó nợ gốc là 890.281.252 đồng, nợ lãi: 383.183.849 đồng theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HĐTD/TTB ngày 25/3/2022; Hợp đồng cho vay số 164/2022/HĐTD/TTB MB3 ngày 25/03/2022.

Do anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ (các) khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 27/6/2022. Quá trình xử lý khoản vay, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho Ngân hàng tuy nhiên anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M không thực hiện. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Buộc anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/10/2025 của các hợp đồng với tổng số tiền là: **1.320.153.173 đồng**, trong đó nợ gốc là 890.281.252 đồng, nợ lãi: 429.871.921 đồng (trong đó lãi trong hạn là 273.796.195 đồng, lãi phạt quá hạn là 156.075.726 đồng, các khoản lãi trong hạn, lãi nợ quá hạn phát sinh cho đến khi anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trong trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA SORENTO; Màu: Đỏ; Số khung: RNYRA51A6MC220493; Số máy: G4KMMH006693; BKS: 35A-279.32. Theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 35010417 do phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 21/03/2022 cấp cho anh Hoàng Minh T.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M có nghĩa vụ phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc nhận ủy quyền lại, giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M nhưng anh T, chị M không có văn bản trả lời, không có bản tự khai và cũng không đến Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản giấy tờ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền

và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; các điều 299, 317, 318, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T (TPBank),

1. Buộc anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP T số tiền gốc còn lại và lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử là: Tổng số tiền phải thanh toán là: 1.320.153.173 đồng (trong đó nợ gốc: 890.281.252 đồng, nợ lãi trong hạn 273.796.195 đồng, nợ lãi quá hạn 156.075.726 đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HDTD/TTB MB3 ký ngày 25/03/2022, Hợp đồng cho vay số 164/2022/HDTD/TTB MB3 ký ngày 25/03/2022 và Văn bản đi kèm theo 2 hợp đồng cho vay về điều kiện chung điều khoản chung về cho vay và thế chấp số 063/2021/SP-TPB.RB có hiệu lực ngày 29/12/2021 và số 054/2021/SP-TPB.RB có hiệu lực ngày 21/10/2021.

3. Anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho TPBank thì TPBank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA SORENTO; Màu: Đỏ; Số khung: RNYRA51A6MC220493; Số máy: G4KMMH006693; BKS: 35A-279.32. Theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 35 010417 do phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 21/03/2022 cấp cho anh Hoàng Minh T;

- Về chi phí tố tụng: bị đơn anh T và chị M phải chịu khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định xe ô tô là 2.500.000 đồng. Anh T và chị M có trách nhiệm trả số tiền này cho Ngân hàng TMCP T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: anh T, chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP T khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng và người bị kiện là anh Hoàng Minh T có địa chỉ tại thôn H, xã N, thành phố H, (nay là phường H), tỉnh Ninh Bình và chị Bùi Thị M có địa chỉ tại thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình (nay là xã B, tỉnh Hưng Yên). Mặc dù chị Bùi Thị M hiện nay đang có địa chỉ tại xã B, tỉnh Hưng Yên, tuy nhiên tại

mục 14.3 của Điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô số hiệu 054/2021/SP - TPB.RB thì Ngân hàng có toàn quyền lựa chọn yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét để giải quyết. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình) giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa ngày 26/9/2025 anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 13/10/2025 anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HĐTD/TTB MB3 ngày 25/3/2022, Hợp đồng cho vay số 164/2022/HĐTD/TTB MB3 ngày 25/03/2022 mà Ngân hàng đã ký kết với anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M với tổng số tiền cho vay là 919.000.000 đồng (*Bằng chữ: chín trăm mười chín triệu đồng*). Việc ký kết Hợp đồng tín dụng giữa các bên đảm bảo đúng quy định của pháp luật và anh Hoàng Minh T, chị Bùi Thị M đã nhận được khoản tiền vay theo hợp đồng được thể hiện bằng việc chuyển khoản vào số tài khoản 666777799906 của Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Sunlife Việt nam và tài khoản cá nhân số 05871480401 của anh Hoàng Minh T mở tại Ngân hàng TMCP T. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 31/3/2022 đến ngày 23/6/2025 anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền là 40.645.242 đồng (Trong đó nợ gốc là 28.093.749 đồng, nợ lãi là: 12.551.493 đồng) theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HĐTD/TTB ngày 25/3/2022 và 1.227.399 đồng trong đó nợ gốc là 624.999 đồng, nợ lãi là 602.400 đồng của Hợp đồng cho vay số 164/2022/HĐTD/TTB MB3 ngày 25/03/2022, sau đó không thực hiện nghĩa vụ nữa. Ngày 27/6/2022 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc của khách hàng sang nợ quá hạn và tính lãi suất vay quá hạn theo quy định. Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng nhiều lần đôn đốc khách hàng thực hiện trách nhiệm trả nợ nhưng đến nay anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M vẫn chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 890.281.252 là phù hợp với Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Về lãi suất:

Việc tính lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng TMCP T yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay của anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M là đúng theo thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HĐTD/TTB ngày 25/3/2022; Hợp đồng cho vay số 164/2022/HĐTD/TTB MB3 ngày 25/03/2022 và theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, Tòa án chấp nhận tổng số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn mà Ngân hàng TMCP T yêu cầu bị đơn phải trả tính đến ngày 13/10/2025 là: 429.871.921 đồng (trong đó lãi trong hạn là 273.796.195 đồng, lãi phạt quá hạn là 156.075.726

đồng

Xét thấy Ngân hàng TMCP T áp dụng mức lãi suất và đề nghị anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M phải trả là phù hợp với mục 1.10 Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HDTD/TTB ngày 25/3/2022; mục 1.10 Hợp đồng cho vay số 164/2022/HDTD/TTB MB3 ngày 25/03/2022, mục 2.2 của Điều kiện điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô số hiệu 054/2021/SP - TPB.RB và mục 2.2 của Điều kiện điều khoản chung về cho vay số hiệu 063/2021/SP - TPB.RB; phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các Điều 7, 8 và 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử buộc anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M trả cho Ngân hàng TMCP T theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HDTD/TTB ngày 25/3/2022; Hợp đồng cho vay số 164/2022/HDTD/TTB MB3 ngày 25/03/2022 với tổng số tiền là **1.320.153.173 đồng**, trong đó nợ gốc là 890.281.252 đồng, nợ lãi: 429.871.921 đồng (trong đó lãi trong hạn là 273.796.195 đồng, lãi phạt quá hạn là 156.075.726 đồng).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì Quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/10/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

Xét thấy, Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HDTD/TTB ngày 25/3/2022 được ký kết giữa anh Hoàng Minh T, chị Bùi Thị M và Ngân hàng TMCP T là hoàn toàn tự nguyện giữa anh T, chị M với Ngân hàng do đó việc ký kết là hợp pháp. Tài sản bảo đảm đều thể hiện rõ ý chí của anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M bảo đảm cho khoản vay của anh T và chị M tại Ngân hàng, bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của anh T và chị M đối với Ngân hàng nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Trường hợp anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với thỏa thuận của các đương sự được thể hiện trong hợp đồng thế chấp tài sản và trong Hợp đồng tín dụng.

[3] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP T đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng đã nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.500.000 đồng do vậy cần buộc anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền trên là phù hợp với khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của tổng số tiền là **1.320.153.173 đồng đồng** = 36.000.000 đồng + (520.153.173 x 3% = 15.604.595 đồng). Tổng cộng anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.604.595 đồng làm tròn thành 51.605.000 đồng

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Ninh Bình tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, điểm h khoản 1 Điều 40, 147, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 299, 317, 318, 319, 322, 323, 463 và 466, của Bộ luật Dân sự,

Căn cứ khoản 2 Điều 100, khoản 2 Điều 103 và Điều 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M.

Buộc anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền tính đến hết ngày 13/10/2025 là **1.320.153.173 đồng**, trong đó nợ gốc là 890.281.252 đồng, nợ lãi: 429.871.921 đồng (trong đó lãi trong hạn là 273.796.195 đồng, lãi phạt quá hạn là 156.075.726 đồng theo các Hợp đồng đã ký).

Đối với trường hợp anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì Quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/10/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Hoàng Minh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản: 01 xe ô tô mang nhãn hiệu KIA SORENTO; Màu đỏ; Số khung RNYRA51A6MC220493; Số máy G4KMMH006693; BKS: 35A-279.32. Theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 35 010417 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 21/3/2022 cho anh Hoàng Minh T

(Thể hiện tại Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 161/2022/HĐTD/TTB MB3 ngày 25/3/2022, được ký kết giữa anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M với Ngân hàng).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M phải chịu 2.500.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ. Buộc anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Hoàng Minh T và chị Bùi Thị M phải chịu 51.605.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền 24.600.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000713 ngày 06/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hoa Lư (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 1 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú